**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng** | **% tổng điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **TN** | **TL** |
| **1** | **I. Mở đầu về chăn nuôi** | 1.1. Vai trò , triển vọng của chăn nuôi | 1 | 1.5 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1.5 | **0.5** |
| 1.2. Định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực chăn nuôi | 1 | 1.5 | 1 | 3 |  |  |  |  | 2 |  | 4.5 | **1.0** |
| 1.3. Một số loại vật nuôi phổ biến ở Việt Nam | 2 | 3 | 1 | 3 |  |  |  |  | 3 |  | 6 | **1.5** |
| 1.4. Một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam | 1 | 1.5 | 1 | 3 |  |  | 1 | 5 | 1 | 1 | 9.5 | **2** |
| **2** | **II. Nuôi dưỡng chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi** | 2.1. Vai trò của việc nuôi dưỡng chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi. | 1 | 1.5 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1.5 | **0.5** |
| 2.2. Chăn nuôi vật nuôi | 2 | 3 | 2 | 6 | 1 | 10 |  |  | 4 | 1 | 19 | **4.0** |
| 2.3. Vệ sinh trong chăn nuôi |  |  | 1 | 3 |  |  |  |  | 1 |  | 3 | **0.5** |
| **Tổng** | **8** | **12** | **6** | **18** | **1** | **10** | **1** | **5** | **14** | **2** | **45** | **10** |
| **Tỉ lệ (%)** | **40** | **30** | **20** | **10** | **70** | **30** | **100** | **100** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | **70** | **30** |  | **100** | **100** |

**Ghi chú:**

- Đề kiểm tra gồm hai loại câu hỏi: trắc nghiệm khách quan (TNKQ) và tự luận (TL).

- Số lượng câu hỏi phân bổ trong các đơn vị kiến thức được xác định dựa vào mức độ yêu cầu cần đạt, số lượng chỉ báo và thời lượng dạy học thực tế của từng đơn vị kiến thức đó.

- Loại câu hỏi tùy thuộc vào mức độ nhận thức: Với mức độ nhận biết và thông hiểu nên sử dụng loại câu hỏi trắc nghiệm khách quan; với mức độ vận dụng và vận dụng cao nên sử dụng loại câu hỏi tự luận.

- Các câu hỏi mức độ nhận biết và thông hiểu cần được phân bổ ở tất cả các đơn vị kiến thức và mỗi câu chỉ tương ứng với một chỉ báo.

- Tỉ lệ điểm phân bổ cho các mức độ nhận thức: khoảng 40% nhận biết, 30% thông hiểu, 20% vận dụng và 10% vận dụng cao.

- Trong đề kiểm tra cuối kì, tỉ lệ điểm dành cho phần nửa đầu học kì chiếm khoảng 1/3.

- Số lượng câu hỏi ở mức nhận biết trong khoảng 12 – 16; ở mức thông hiểu trong khoảng 6 – 12; ở mức vận dụng và vận dụng cao trong khoảng 1 – 3.

**KHUNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**MÔN CÔNG NGHỆ, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ đánh giá** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Chương IV. Mở đầuvề chăn nuôi** | 1.1. Vai trò , triển vọng của chăn nuôi | **Nhận biết:**- Trình bày được vai trò của chăn nuôi đối với đời sống con người và nền kinh tế.- Nêu được triển vọng của chăn nuôi ở việt nam | 1 |  |  |  |
| 1.2. Định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực chăn nuôi | **Nhận biết:** * Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi.
 | 1 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**Nhận thức được sở thích và sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi. |  | 1 |  |  |
|  | 1.3. Một số loại vật nuôi phổ biến ở Việt Nam | **Nhận biết:** - Nhận biết được một số vật nuôi được nuôi nhiều ở nước ta (gia súc,gia cầm)- Nhận biết được một số vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta (gia súc,gia cầm) | 2 |  |  |  |
| **Thông hiểu:*** So sánh được các đặc điểm cơ bản của các loại vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta.
 |  | 1 |  |  |
|  | 1.4. Một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam | **Nhận biết:**Nêu được các phương thức chăn nuôi ở nước ta | 1 |  |  |  |
| **Thông hiểu:*** Nêu được ưu và nhược điểm của các phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam
 |  | 1 |  |  |
|  |  |  | **Vận dụng cao:**Đề xuất được phương thức chăn nuôi phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi phổ biến ở địa phương. |  |  |  | 1 |
| **2** | **Chương 5. Nuôi dưỡng chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi** | 2.1. Vai trò của việc nuôi dưỡng chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi. |  **Nhận biết** * Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi.
 | 1 |  |  |  |
| 2.2. Chăn nuôi vật nuôi. |  **Nhận biết:**Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng ,chăm sóc vật nuôi non,vật nuôi đực giống .vật nuôi cái sinh sản | 2 |  |  |  |
| **Thông hiểu:*** Trình bày được kĩ thuật nuôi, chăm sóc cho một loại vật nuôi phổ biến.
* So sánh được kĩ thuật nuôi dưỡng ,chăm sóc cho vật nuôi non, vật nuôi đực và vật nuôi cái sinh sản
 |  | 2 |  |  |
| **Vận dụng** * Vận dụng được kiến thức về nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi vào thực tiễn của gia đình,địa phương
 |  |  | 1 |  |
| **Vận dụng cao*** Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc,phòng trị bệnh một loại vật nuôi trong gia đình.
 |  |  |  |  |
| 2.3. Vệ sinh trong chăn nuôi | **Nhận biết:*** Nêu được các vai trò việc vệ sinh chuồng trại trong chăn nuôi
 |  |  |  |  |
| **Thông hiểu*** Nêu được những việc nên làm và những việc không nên làm để bảo vệ môi trường trong chăn nuôi
 |  | 1 |  |  |
| **Vận dụng*** Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn vào bảo vệ môi trường trong chăn nuôi ở gia đình và địa phương
 |  |  |  |  |
| **Tổng** |  | **8** | **6** | **1** | **1** |

***Lưu ý:***

- Với câu hỏi mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độđánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

- Câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao có thể ra vào một hoặc một số trong các đơn vị kiến thức.

- Kiểm tra lại sự phù giữa đề kiểm tra và ma trận đề

**UBND HUYỆN …… ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**TRƯỜNG ………. NĂM HỌC: 2022 – 2023**

 **Môn: Công nghệ 7**

 *(Thời gian 45 không kể thời gian giao đề)*

1. **Trắc nghiệm (7 điểm).**

**Câu 1:** Ý nào sau đây KHÔNG phải là vai trò của ngành chăn nuôi?

1. Cung cấp thực phẩm cho con người.
2. Cung cấp sức kéo vàphân bón cho nông nghiệp.
3. Cung cấp gỗ cho các ngành sản xuất.
4. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp.

**Câu 2:** Công việc chuẩn đoán, điều trị và tiêm phòng bệnh cho vật nuôi là đặc điểm cơ bản của nghề nào?

1. Nhà chăn nuôi
2. Bác sĩ thú y
3. Nhà tư vấn nuôi trồng thủy sản
4. Lao động chăn nuôi

**Câu 3:** Lợn Landrace và lợn Yorkshire **khác nhau** ở đặc điểm nào?

1. Tai
2. Thân
3. Da
4. Tỉ lệ nạc

**Câu 4:** Những loại vật nuôi nào phù hợp với phương thức chăn nuôi chăn thả:

1. Trâu, bò
2. Lợn
3. Tằm
4. Thỏ

**Câu 5:** Hai phương thức chăn nuôi chăn thả và bán chăn thả có cùng nhược điểm nào?

1. Mức đầu tư thấp
2. Chi phí đầu tư cao
3. Kỹ thuật chăn nuôi đơn giản.
4. Khó kiểm soát dịch bệnh.

**Câu 6:** Chăm sóc, phòng và trị bệnh cho vât nuôi có ảnh hưởng như thế nào đến vật nuôi ?

1. Vật nuôi khỏe mạnh, phát triển toàn diện.
2. Vật nuôi thích nghi với điều kiên sống.
3. Vật nuôi dễ tiêu thụ thức ăn
4. Vật nuôi tăng cân nhanh.

**Câu 7:** Mục đích của việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi đực giống là gì ?

1. Để đàn con có tỉ lệ sống cao đến lúc cai sữa
2. Để đàn con dễ thích nghi với điều kiện sống
3. Để vật nuôi có khả năng phối giống cao, đàn con khỏe mạnh
4. Để hệ tiêu hóa của vật nuôi đực giống phát triển hoàn thiện

**Câu 8:** Đối với lợn, bò, dê,… vật nuôi cái sinh sản cần đảm bảo các yêu cầu là:

1. Cơ thể không béo quá hoặc không gầy quá
2. Sữa đủ để nuôi con và có thành phần dinh dưỡng tốt.
3. Có chức năng miễn dịch tốt, sức đề kháng cao
4. Cơ thể khỏe mạnh nhanh nhẹn.

**Câu 9:** Việc làm nào sau đây là KHÔNG ĐÚNG khi nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi ?

1. Điều trị đúng bệnh và kịp thời.
2. Không cho vật nuôi vận động.
3. Tiêm phòng và cho uống đầy đủ các loại vắc xin
4. Luôn giữ vệ sinh sạch sẽ ở chuồng nuôi

**Câu 10:** Phát biểu nào sau đây là SAI về yêu cầu vệ sinh môi trường sống của vật nuôi?

1. Cửa chuồng nuôi hướng Tây, kiểu chuồng nuôi đảm bảo kín gió
2. Chuồng nuôi có nhiệt độ,độ ẩm, không khí thích hợp
3. Thức ăn và nước uống đảm bảo vệ sinh.
4. Xử lí phân, rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

**Câu 11:** Bò sữa Hà lan có đặc điểm ngoại hình đặc trưng là:

A. Lông loang trắng đen .

B. Lông vàng.

C. Da ngăm đen

D. Vai u.

**Câu 12:** Người có những năng khiếu, sở thích nào phù hợp với các nghề trong lĩnh vực chăn nuôi?

A. Thích tìm tòi, nghiên cứu máy móc.

B. Thích nuôi dưỡng gia súc, gia cầm .

C. Yêu thích nghiên cứu và chăm sóc cây trồng.

D. Thích nghiên cứu khảo cổ học.

**Câu 13:** Gia súc ăn cỏ nào được nuôi phổ biến ở nước ta?

A. Lợn Landrace

B. Vịt Xiêm

C. Gà Ri

D. Bò vàng

**Câu14:** Chế độ nuôi dưỡng, chăm sóc của vật nuôi đực và vật nuôi cái sinh sản khác nhau ở điểm nào?

1. Thức ăn cho vật nuôi đực giàu Canxi, photpho hơn.
2. Thức ăn cho vật nuôi đực giàu kẽm, mangan, iod hơn.
3. Vật nuôi đực giống không cần tiêm vacxin
4. Vật nuôi đực ít vệ sinh, tắm chải hơn vật nuôi cái.

**II.Tự luận (3điểm)**

**Câu 15:** Nhà bạn Huy một đàn heo con mới sinh, bạn Huy chưa biết cách nuôi dưỡng và chăm sóc đàn heo con như thế nào. Bằng kiến thức đã học, em hãy chỉ cho Huy những phương pháp nuôi dưỡng và chăm sóc đàn heo con đó ? (2 điểm)

**Câu 16:** Ở địa phương em thường nuôi các vật nuôi nào? Em hãy đề xuất phương thức chăn nuôi phù hợp cho các đối tượng vật nuôi đó ? (1 điểm)

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

1. **Trắc nghiệm (7 điểm)**

Mỗi câu đúng 0,5 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| **Đáp án** | C | B | A | A | D | A | C | B | B | A | A | B | D | B |

1. **Tự luận (3 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| Câu 151. điểm
 | \*Gợi ý câu trả lời: * Nuôi dưỡng:

+ Cho bú sữa đầu+ Tập cho ăn sớm* Chăm sóc :

+ Sưởi ấm để tránh bị nhiễm lạnh+ Cho vận động, tiếp súc sớm với ánh nắng sớm+ Giữ vệ sinh chuồng trại ,sạch sẽ, khô ráo,cho uống hoặc tiêm vắc xin phòng bệnh đầy đủ.+ Thường xuyên theo dõi để phát hiện và điều trị bệnh kịp thời. Nhanh chóng cách ly vật nuôi nhiễm bệnh để tránh lây lan. | 0,25đ0,25đ0,25 đ0,25đ0,5đ0,5đ |
| Câu 161 điểm | \*Gợi ý câu trả lời: Tùy theo đặc điểm từng địa phương ( nêu được 2 trong các ý sau):- Trâu bò: chăn thả hoặc bán chăn thả.- Lợn: nuôi nhốt- Gia cầm: nuôi nhốt hoặc chăn thả | 0,5đ0,5đ |

**HẾT**

**DANH SÁCH NHÓM 2- LỘC NINH**

1. Phạm Nhân-Trường THCS Lộc Quang
2. Phạm Thị Hồng- Trường THCS Lộc Quang
3. Kha Thị Sen-TH và THCS Lộc An
4. Phạm Thị Hồng- TH và THCS Lộc Thiện
5. Vũ Thị Thắm Hồng-THCS Lộc Thái
6. Trương Thị Ngọc Trâm-THCS TT Lộc Ninh
7. Nguyễn Thị Loan-TH và THCS Lộc Hòa
8. Nguyễn Văn Châu-THCS Lộc Điền